**Khenpo Tsultrim giảng ngày 10/06/2018**

Thầy tiếp tục giảng về **Bát nhã tâm kinh**, đây là phần rất là chính yếu, tinh túy. Buổi trước thầy nói về **5 uẩn** – đều là rỗng rang, cũng đều là không. Bản chất của 5 uẩn là tồn tại không cố hữu. Ta có thể nhìn ra tất cả các Pháp tồn tại theo 2 chân lý: tuyệt đối và tương đối. Tất cả những gì chúng ta nhìn được, cảm nhận được, nghe thấy được – đấy là thực sự có, là chân lý tương đối: chúng ta có thể cảm thấy đói, no, nhìn thấy được. Khi chúng ta tìm hiểu 1 cách sâu sắc bản chất của chân lý tương đối này thì chúng ta không thể nào tìm thấy nó ở đâu được cả. Nó không ở, tồn tại trong hay ở ngoài chúng ta, mà nó chỉ tồn tại khi chúng ta phân tích thôi.

Nhiều người có thể nhầm lẫn nói rằng tất cả đều không có, đều rỗng rang, cho nên không tồn tại 1 cái gì cả, chính vì vậy chúng ta không có trách nhiệm gì đối với hành động của chúng ta, hiểu như vậy có nghĩa là hiểu sai. Vì trong chân lý tương đối, tất cả tồn tại như là nó có, nhưng khi và chỉ khi chúng ta tìm hiểu, phân tích thì bản chất của nó mới là rỗng rang, và tất cả các hành động mà chúng ta tạo ra, chúng ta phải có trách nhiệm về hành động của chúng ta. Tất cả hành động của chúng ta có bản chất là tính không, chứ không được hiểu sai lệch là như vậy (không tồn tại).

Bài giảng đầu tiên của đức Phật, về Tứ diệu đế: Khổ, thế nào là Khổ, nhân của Khổ, con đường diệt Khổ. Hay nói cách khác là: khổ, tập, diệt, đạo – là 4 bài giảng đầu tiên của đức Phật về Tứ diệu đế. Khi hiểu về các bài giảng này thì chúng ta có thể hiểu bản Bát nhã tâm kinh rất là sâu sắc, bởi vì trong bài giảng đầu tiên về Tứ diệu đế, đức Phật có nói về 2 chân lý: tương đối và tuyệt đối. Đức Phật giảng rất rõ về nhân và quả: khi gieo 1 nhân xấu xa, thì không thể thu được 1 quả tốt đẹp được, và ngược lại khi gieo nhân tốt thì nhận quả tốt. Nếu không hiểu được các bài giảng về Tứ diệu đế, mà đi ngay vào các bài học của tính không, thì đương nhiên chúng ta không hiểu được, mà nếu có hiểu thì sẽ hiểu sai.

Nói về 5 uẩn: tất cả các Pháp của chúng ta thuộc về 5 uẩn này. 5 uẩn này nói về chân lý tuyệt đối và phụ thuộc vào nhau. Ví dụ, các dấu hiệu phân biệt: hình vuông hay tròn. Ta dùng 4 que để tạo nên hình vuông, khi bỏ đi 1 cái que thì không còn hình vuông nữa. Cũng như vậy, đó là cách chúng ta nhìn nhận các Pháp: tồn tại phụ thuộc lẫn nhau và trong mối liên hệ không có tự tính và luôn luôn phụ thuộc. Hình vuông chỉ tồn tại khi có 4 cái que, chỉ cần dời đi bất cứ mẩu nào trong hình vuông thì đương nhiên sẽ không tồn tại. Đó là các cách mà các Pháp tồn tại: không có tự tính và trong mối quan hệ tương hỗ lẫn nhau.

(?) Sắc tức là không: nếu 1 Sắc mà tồn tại 1 cách độc lập thì đương nhiên sẽ có những dấu hiệu phân biệt, nhưng 1 Pháp tồn tại 1 cách không độc lập nên nó không có những dấu hiệu để phân biệt. Ví dụ: ta nói rằng đây là cái thân thể của chúng ta và có những dấu hiệu để phân biệt với những thân thể khác. Nhưng thân thể không thể tồn tại 1 cách độc lập được, vì thân thể bao gồm rất nhiều thành phần, như các bộ phận, cơ quan. Nếu ta tách rời các bộ phận đó ra thì không còn 1 thân thể thực thụ tồn tại nữa. Chính vì vậy, có thể nói tại sao khi không tồn tại thì sẽ không có những dấu hiệu để phân biệt được.

Các Pháp không sinh, không diệt: vì các Pháp không tồn tại thì làm sao có thể sinh được, và không sinh thì không có sự diệt. Chính vì vậy chúng ta hiểu được các Pháp không có tự tính, không tồn tại 1 cách độc lập, và bản thân của nó là rỗng rang, thì đương nhiên không có sự sinh ra và không có sự diệt.

Các Pháp không nhớp, không sạch: như bài giảng trong Pháp bảo của sự giải thoát, đoạn nói về Phật tính. Tất cả chúng ta ai cũng có phẩm tính như chư Phật – không sạch cũng không nhớp, dù ở Samsara (Luân hồi) hay Nirvana (Niết bàn) thì bản chất Phật tính là như nhau. Không thể nói rằng khi ở Samsara thì Phật tính là không sạch, còn khi ở Nirvana thì Phật tính là sạch. Giống như ví dụ về nước: bản chất của nước luôn luôn là nước, cho dù có nhiễm bùn, thì khi tách riêng bùn và nước thì chúng ta vẫn có nước – bản chất là nước, mà không phải là hợp chất nào khác. Khi chúng ta ở trong Samsara, mặc dù chúng ta có xúc tình tiêu cực nhưng bản chất luôn là tinh khiết. Chính vì vậy, chúng ta mới có hy vọng 1 ngày nào đó sẽ đạt được Phật quả. Bản tính của chúng ta bị che phủ, và không thể nào nhìn thấy được, nên 1 ngày nào đó chúng ta tìm lại được về Phật tính thì chúng ta mới đạt được quả vị Phật.

Khi chúng ta vẫn còn là chúng sinh của Samsara, thì bản chất Phật tính của chúng ta luôn là tinh khiết. Và khi đạt được giác ngộ, thì chúng ta sẽ không có gì hơn để đạt được nữa vì ta đã tìm về bản chất Phật tính của mình. Qua những thực hành như 6 hạnh ba la mật, hay các phương pháp để chúng ta có thể bước được trên con đường, khi đạt được quả vị Phật rồi, bản chất của chúng ta không thay đổi. Lúc đó, chúng ta tìm ngược lại về bản chất cố hữu như sẵn có thôi – bản chất không nhớp, không sạch.

Khi đang tồn tại ở Samsara, chúng ta không nên quá tuyệt vọng, vì khi đạt được quả vị Phật, chúng ta không phải là đặc dị hơn, ngoài việc tìm lại bản chất vốn có là Phật tính có sẵn - không phải là cái gì bên ngoài để chúng ta có thể đạt đến, mà thực ra là cái gì đó sẵn có.

Ví dụ: khi chúng ta có thân thể rất lớn như con voi, hay rất nhỏ như con côn trùng. Ta không thể nói, con voi có thân thể lớn hơn, nên Phật tính của nó lớn hơn. Dù là voi hay côn trùng thì Phật tính cũng đều là như nhau, giống nhau cả. Trong kinh nói rằng không thêm, không bớt, Phật tính của chúng ta là như nhau, không tăng lên, không giảm đi. Khi ở Samsara thì Phật tính không bớt đi, khi đạt được quả vị Phật rồi thì Phật tính không thêm vào.

Cửa giải thoát **thứ 2**, nói về không có dấu hiệu nào cả. Tất cả các Pháp được tạo bởi các nhân, và các Pháp không tồn tại 1 cách độc lập, đương nhiên nhân của nó không tồn tại, dẫn đến các Pháp tồn tại không có 1 dấu hiệu nào cả. (?).

**Phần 3**, sự không mong đợi gì: không sinh, không diệt. Khi nhìn vạn Pháp từ bản chất, thì vạn Pháp không tồn tại. Khi nhìn từ nhân, thì vạn Pháp không sinh cũng không diệt. Chúng ta không nhìn được cái nhân của nó ở đâu cả. Khi nhìn từ sự mong đợi, chúng ta cũng không thể mong đợi được, vì các Pháp đó không sạch, không nhớp, không thêm, không bớt. Chính vì vậy, chúng ta không thể nào tìm được các Pháp tồn tại 1 cách độc lập. Như ví dụ hình vuông, nếu chúng ta tạo ra hình vuông có 4 cái que: chỉ cần bỏ đi 1 cái thì không thể tìm thấy được hình vuông. Cần có 4 dấu hiệu mới tạo được hình vuông – lúc này là 1 dấu hiệu hay là 4 dấu hiệu tập hợp lại. Nên có thể nói rằng tất cả các Pháp có bản chất là rỗng rang hay là tính không. Muốn tìm hiểu rõ hơn, chúng ta có thể tìm đọc các bản văn về Trung quán luận của ngài Long Thọ để có thể hiểu về **3 cửa giải thoát** (cửa đầu tiên?, so với các giáo lý về các giai đoạn Bardo thì sao) này.

**Bài tập về nhà**: tìm hiểu về 3 cửa giải thoát này.

**Pháp bảo của sự giải thoát**

Bài trước, chương 1: Phật tính. Chương 2, nền tảng để có các hoạt động trên. Nền tảng đó chính là cuộc sống làm người của chúng ta, nên mới nói làm người trân quý.

Tất cả mọi chúng sinh đều có Phật tính như nhau. Chúng sinh ở trong 5 cõi, nhưng có phải tất cả đều có thể khả năng hành động hướng về giác ngộ hay không. Ở đây chỉ nói có 5 cõi: cõi bán thiên – 1 phần thuộc về cõi thiên, 1 phần thuộc về cõi súc sinh. Chúng sinh 5 cõi đều có Phật tính, và khả năng phát triển Phật tính, hạt giống Phật tính có thể nảy nở được như nhau (?). Tất cả chúng sinh các cõi còn lại: địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, nhân, thiên, có thể hành động hướng về giác ngộ hay không.

Câu hỏi thứ 2, chúng ta có thể đặt ra là: tất cả chúng sinh đều có hạt giống Phật quả như nhau thì tất cả đều có khả năng hướng về giác ngộ như nhau hay không. Câu trả lời: là Không. Chỉ có những chúng sinh nào có 2 phẩm tính: có đầy đủ sự **tự do** và sự **thuận duyên**, thì hạt giống mới có thể nảy nở được và có thể đạt được quả vị Phật. Còn tất cả chúng sinh không có 2 phẩm tính trên thì không khả năng.

Thân người của chúng ta có 2 khả năng: sự **tự do** và sự **thuận duyên**. Ngoài ra còn cần điều kiện tâm trí – cần phải ủng hộ cho thân thể của chúng ta. Nếu tâm trí không ủng hộ cho thân thể thì không thể nào đạt được giác ngộ. Tâm trí cần có 3 niềm tin:

* Sự tin tưởng rất lớn.
* Nền tảng có khả năng đạt được giác ngộ
* Thân thể cùng với tâm trí…?

Nếu thiếu 1 trong những điều kiện, nhân duyên này thì không được gọi là chúng ta có cuộc sống làm người trân quý, và không thể nào có những hành động đạt được giác ngộ được.

Những phẩm tính của cuộc sống làm người trân quý là gì:

* 2 điều kiện cho **thân thể**: sự tự do và sự thuận duyên.
* 3 niềm tin cho **tâm trí**: đức tin đến từ sự tin tưởng, đức tin đến từ sự mong mỏi, đức tin đến từ sự sáng suốt.

Sự tự do: nếu chúng ta không có sự tự do đầy đủ thì không thể nào có cơ may thực hành được giáp pháp. Sự tự do nghĩa là chúng ta được giải thoát khỏi **8 chướng duyên** – được nói trong Kinh giáo pháp siêu việt về sự hồi tưởng trong trẻo.

* Tự do khỏi địa ngục,
* Tự do khỏi ngạ quỷ,
* Tự do khỏi súc sinh,
* Tự do khỏi cõi người man rợ,
* Tự do khỏi cõi trời trường thọ.
* Tự do khỏi những tà kiến
* Được sinh vào thời của đức Phật, vì nếu trong thời vắng bặt đức Phật thì coi như chúng ta không được thuận duyên.
* Người câm lặng.

Nói về **cõi địa ngục** đầu tiên, chúng sinh không có được tự do. Vì bản chất của cõi địa ngục là khổ đau – mức độ rất kinh khủng và mạnh mẽ, không thể nghĩ đến cái gì khác ngoài khổ đau cả. Ví dụ: khi ốm nặng, chúng ta chỉ có thể nghĩ đến việc làm thế nào thoát khỏi, chữa lành cơn ốm này, và không có đầu óc nào nghĩ đến hôm nay sẽ ăn gì, mặc gì hay làm gì khác. Chúng ta chỉ có thể vướng mắc vào việc ốm và làm thế nào để khỏi thôi, và không thể cảm thấy vui vẻ được, ngoài việc nghĩ đến ốm. Tương tự như vậy, trong cõi địa ngục có vô vàn khổ đau, và chúng sinh ở đây không thể nghĩ đến cái gì khác ngoài khổ đau.

Khổ đau trong địa ngục là thường hằng, vì phải chịu khổ đau vô cùng mãnh liệt, không bao giờ kết thúc. Ở cõi người, đôi khi, chúng ta có những phút giây không phải chịu khổ đau, mà có những khi hoan hỷ, hạnh phúc. Chúng ta buồn hoặc vẫn vui, còn trong cõi địa ngục, khổ đau là vô tận, không bao giờ kết thúc, ngưng nghỉ ở giữa, mà chúng ta liên tục chịu khổ đau.

**Cõi ngạ quỷ**: bị hành hạ bởi tinh thần thiêu đốt, vì ngạ quỷ luôn luôn chịu đói, chịu khát, rét mướt, khổ đau. Các chúng sinh ở đây lúc nào cũng giận dữ, bởi vì họ đói, họ khát, họ không có thức ăn hay thức uống trong rất nhiều ngày. Khi đói, tâm trí của chúng ta rất là nóng nảy, nhất là với những người đói dài ngày rồi, thì họ không chịu đựng được, tinh thần của họ bị thiêu đốt, vì họ luôn chỉ nghĩ đến 1 thứ là thực phẩm, hay đồ uống. Khi phải chịu trong quãng thời gian dài như vậy, họ chỉ nghĩ đến thức ăn. Khi tìm được thực phẩm rồi, thì muốn ăn, họ cũng không thể nào ăn được. Nên tâm trí của họ luôn luôn bị thiêu đốt bởi ý nghĩ như vậy, không thể nghĩ gì khác, mà chỉ nghĩ đến thực phẩm, đồ uống được thôi. Khi thực hành Nyungnes xong, và nhịn đói thêm 1 vài ngày, chúng ta chỉ nghĩ đến thực phẩm thôi, sẽ nghĩ đến đầu tiên là ăn gì sau đấy, mà không thể nghĩ đến việc sẽ mặc quần áo gì. Chúng sinh trong cõi ngạ quỷ phải chịu đói, khát lâu ngày rồi, nên họ không có cơ hội thực hành giáo pháp. Sự đói khát quá dữ dội như thế, ngăn cản tâm trí của họ, làm cho tâm trí của họ bị thiêu đốt, lúc nào cũng ở trong trạng thái cáu giận, nên họ không thể nghĩ đến cái gì khác hay thực hành pháp, mà nghĩ đến tìm thức ăn và thức uống mà thôi.

1 lần thầy đi bộ khỏi trung tâm của thầy (ở trên núi), thầy biết rằng dưới chân núi có 1 quán chè, có máy tự động bán đồ ăn nhẹ. Thầy đã không ăn gì, vì biết rằng sẽ không thể nào đi bộ được, nên thầy đi bộ xuống chỗ đó mất 1 tiếng đồng hồ, khi xuống đến nên thầy rất đói. Khi tìm đến máy bán thức ăn, máy đã đóng hoàn toàn rồi, lúc đó thầy cảm thấy rất là thất vọng, không có gì ăn và ôm bụng rỗng đi về. Như vậy thầy phải leo ngược lên núi trong 1 tiếng nữa, thầy chỉ thấy trước mắt thầy hiện lên cái bàn ở trung tâm thầy có rất nhiều bánh quy. Thầy chỉ nhìn thấy trước mặt thầy là bánh quy đó thôi, không nhìn thấy cái gì khác cả. Đó là thầy mới chịu đói trong khoảng thời gian như vậy mà đã chỉ nghĩ đến đồ ăn thôi, còn những chúng sinh như ngạ quỷ đã sống bao nhiêu năm đói khát như vậy rồi, đương nhiên họ chẳng thể nghĩ đến cái gì khác ngoài thức ăn cả.

**Cõi súc sinh**: bị ngập ngụa trong sự ngu muội, tại sao lại nói vậy. Bình thường các con vật rất thông minh, 1 số còn thông minh hơn con người trong 1 số trường hợp: trước khi có thiên tai như động đất, sóng thần, những con vật có thể cảm giác được, chạy trốn và báo hiệu được. Nhưng súc sinh không thể phân biệt được thế nào là thiện hạnh, thế nào là bất thiện hạnh, đâu là 1 hành vi tốt hay không tốt. Chỉ có chúng ta, trong cuộc sống làm người, dựa trên kiến thức, mới biết được đâu là hành vi tốt hay không tốt, thiện hạnh hay bất thiện hạnh.

3 cõi này không có sự khiêm nhường và không quan tâm đến người khác nghĩ gì, tâm trí họ là những nguồn sai lệch, nên họ không có cơ hội để thực hành giáo pháp. 3 cõi này không có những cơ may, thuận duyên mà toàn những chướng duyên, cho nên họ không có cơ may thực hành được giáo pháp.

Trong **cõi trời** trường thọ, chúng sinh an trụ trong tình trạng hành động tinh thần tịnh diệt. Chính bởi vậy, họ không có cơ hội thực hành giáo pháp. Cuộc sống ở cõi trời trường thọ kéo dài hơn cuộc sống làm người, nên cõi này hình thành chướng duyên, vì chúng sinh cõi này bám chấp vào hạnh phúc tạm thời và không có thời gian nỗ lực dành cho giáo pháp. Cõi trời trường thọ còn gọi là cõi Sắc, chúng sinh ở trong trạng thái thiền định rất là sâu, và họ chỉ có thiền không thôi, ngoài thiền ra, họ không còn cảm giác, hay cảm nhận gì cả. Chính vì vậy họ không có khả năng hiểu được giáo pháp, nên không có cơ may thực hành được giáo pháp.

Cõi thiên, cuộc sống kéo dài hơn cuộc sống làm người, nên họ không nghĩ đến sự chết, họ không cảm nhận được cái chết. Chúng ta chỉ đến với giáo pháp khi có những vấn đề trong cuộc sống. Hay là khi chúng ta nhìn thấy cái chết, và cảm thấy cái chết, lúc đó chúng ta mới bắt đầu quan tâm đến giáo pháp. Nếu mọi thứ trong cuộc sống cứ yên bình trôi, chưa chắc chúng ta đã quan tâm đên giáo pháp. Cuộc sống ở cõi thiên này là như vậy, rất là xa hoa, không cần phải có công ăn việc làm, không cần thức ăn, áo mặc. Tất cả vật dụng cuộc sống, họ chỉ cần mong muốn, những điều trên sẽ đến với họ, mà không cần nỗ lực, dụng công chút nào cả, nên họ cảm thấy không có lý do gì phải thực hành giáo pháp. Cuộc sống kéo dài, kèm với các điều kiện sống quá tốt như vậy, nên họ không bao giờ nghĩ đến việc thực hành giáo pháp cả. Khi ốm, chúng ta nghĩ rằng đây là chướng duyên để thực hành giáo pháp, thực ra không phải. Khi có cuộc sống quá đầy đủ, êm ả trôi, bình thường thì không bao giờ chúng ta nghĩ rằng cần giáo pháp cả. Chỉ khi có vấn đề gì xảy ra trong cuộc sống, chúng ta mới nghĩ rằng cần thực hành giáo pháp. Ở cõi trời trường thọ, về chất lượng lẫn thời gian sống, đều là quá đầy đủ, quá dài, quá thuận tiện rồi, cho nên các chúng sinh trong cõi thiên này không bao giờ nghĩ đến việc thực hành giáo pháp cả.

Tất cả chúng sinh cõi thiên đều bám chấp vào hạnh phúc tạm thời này, nên họ không có thời gian để thực hành giáo pháp. Họ không bao giờ nghĩ rằng hạnh phúc tạm thời này sẽ đến thời điểm bắt buộc phải kết thúc, không thể trường tồn được. Vì quá đầy đủ, vui vẻ, họ không nhận thức được điều đó, họ chỉ hoan hỷ với hạnh phúc tạm thời này của họ thôi. Nên họ không có thời gian, nỗ lực nào dành cho giáo pháp.

Vì vậy những khổ đau nhỏ bé mà chúng sinh phải trải nghiệm có ý nghĩa lớn lao, để từ đó chúng ta có cảm giác đau buồn trong Samsara, nó làm an dịu sự ngã mạn của chúng ta. Đó là nhân cho chúng ta gieo trồng sự từ bi hướng tới chúng sinh, cho chúng ta thích những thiện hạnh và tránh xa những ác hạnh. Ở đây, ai giúp đỡ chúng ta khi chúng ta đau khổ, chỉ có chính niệm mới có thể giúp đỡ chúng ta. Nỗi khổ đau trong Samsara này không phải quá mãnh liệt như là những chúng sinh trong địa ngục, ngạ quỷ, hay súc sinh. Khổ đau của chúng ta chỉ là những phần nhỏ thôi – sẽ mang trải nghiệm là chúng ta không muốn đau khổ nữa, và muốn thoát khỏi đau khổ. Chính vì vậy những sự khổ đau nhỏ nhoi này có ý nghĩa rất lớn lao, vì khi hiểu, chúng ta mới muốn thoát khỏi khổ đau.

Trong Kết nguyện và những Bồ tát hạnh, có nói rằng: hơn nữa, khổ đau có những phẩm tính tốt, nhờ chán nản những khổ đau, ngã mạn được xua tan, lòng bi mẫn tăng trưởng cho những ai đang trôi trong vòng luân hồi, ma quỷ tránh xa, hoan hỷ trong những thiện hạnh. Khổ đau luôn mang lại cho chúng ta những điều xấu, nhưng thực ra khổ đau không tệ như chúng ta nghĩ, mà ngược lại khổ đau lại mang những phẩm tính tốt, vì nhờ khổ đau mà chúng ta mới muốn thoát khỏi khổ, mới mong muốn kết nguyện vào giáo pháp để thoát khỏi khổ.

Trong cõi nhân có những loại **người man rợ** - là những người không có niềm tin khi gặp những chúng sinh tâm linh, họ tin rằng khi làm những điều tồi tệ là tốt đẹp. Ví dụ bên Nepal, những người giết các con vật vì lý do tôn giáo – thì có thể gọi họ là man rợ hoặc gần giống với man rợ. Họ lấy tôn giáo ra để bảo vệ cho những hành vi man rợ - giết các con vật sống. Hay có những trung tâm tôn giáo, để bảo vệ cho họ, làm hại những trung tâm tôn giáo khác, thì như vậy họ cũng là loại người man rợ rồi. Những loại người mà tin tưởng những điều xấu họ làm là tốt đẹp, thì đương nhiên họ không có niềm tin khi gặp những chúng sinh tâm linh.

Tiếp theo, là những **người có tà kiến**, và không hiểu thiện hạnh là nhân để họ có thể tái sinh vào cõi cao hơn hay là giải thoát. Những người có tà kiến là những người không tin vào Tam bảo, vào luật nhân quả. Khi đó đương nhiên họ không tin vào con đường giải thoát làm gì cả.

1 nguồ sinh vào thời không có đức Phật, sẽ không có ai là thầy dạy những điều gì cần làm, điều gì cần buông bỏ. Chúng ta sinh vào thời đức Thích ca mâu ni không tồn tại nữa, thế nhưng những bài giảng của Người vẫn còn tồn tại, thì đức Phật vẫn đang tồn tại, hiện hữu với chúng ta. Vào thời mà bài giảng của đức Phật biến mất, đức Phật tương lai Di Lặc còn chưa đến, nếu chúng ta sinh vào khoảng giữa như vậy, các đức Phật hiện tại không còn, tương lai chưa đến, thì hoàn toàn chúng ta không có giáo pháp. Nên sinh ra vào thời kỳ đó, là chướng duyên ngăn cho chúng ta biết đến giáo pháp.

Cuối cùng, **người câm** và **người không hiểu** những bài giảng về thiện hạnh và bất thiện hạnh. Người câm ở đây không nói về câm vật lý mà nói câm về tinh thần, hoàn toàn không có sự hiểu biết. Người không có đầy đủ những sự hiểu biết như vậy, sẽ trở thành người ngu muội và không hiểu gì những bài giảng về thiện hạnh và bất thiện hạnh. Đương nhiên, họ không thể nào thực hành được giáo pháp. Đó là 8 điều kiện chường duyên được nói ở trên đây, nếu 1 người không gặp phải 8 điều kiện này, sẽ là người tự do để thực hành giáo pháp là như vậy.